

Số: 28/CK-YMA

Yên Thắng, ngày 10 tháng 5 năm 2026

## CÔNG KHAI CÁC ĐIỀU KIỆN TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2026-2027

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 1487/SGDĐT-QLCL ngày 17/9/2024 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện Quy định về công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT;

Trường THPT Yên Mô A công khai hoạt động giáo dục đầu năm học 2026-2027 như sau:

### I. THÔNG TIN CHUNG

**1. Tên trường:** Trường THPT Yên Mô A

**2. Địa chỉ:** Tổ dân phố Bình Khang, Phường Yên Thắng, tỉnh Ninh Bình.

Số điện thoại: 02293.869.023

Website: ymaninhbinh.edu.vn

Email: yma.ninhbinh@gmail.com

### 3. Loại hình, chức năng, nhiệm vụ

Loại hình: Công lập.

Cơ quan quản lý: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình.

Giáo dục phổ thông bậc: Trung học phổ thông.

### 4. Mục tiêu giáo dục

Xây dựng và duy trì trường THPT Yên Mô A trở thành đơn vị tiên tiến xuất sắc, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng học sinh giỏi và tỷ lệ tốt nghiệp THPT. coi trọng giáo dục truyền thống, nhân cách và kỹ năng sống, tăng cường nề nếp, kỷ cương, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng học sinh. Nâng cao lý tưởng, tinh thần trách nhiệm và năng lực nghề nghiệp của đội ngũ theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp. Dẩy mạnh phong trào thi đua "Dạy tốt - Học tốt".

Là nơi học sinh được phát triển đúng đắn và bền vững về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng sống cơ bản; Có học vấn phổ thông ở trình độ cấp học phổ thông và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học Đại học hoặc học nghề.

### 5. Quá trình thành lập và phát triển

Trường THPT Yên Mô A tiền thân là Trường Cấp 3 Tạ Uyên được thành lập từ năm 1964, đến năm 1972 trường được tách ra và có tên gọi là trường THPT A Yên Mô. Tháng 3

năm 2004 trường được đổi tên thành Trường THPT Yên Mô A theo Quyết định số 755/QĐ-UB ngày 31/3/2004 của UBND tỉnh Ninh Bình địa điểm đặt Tổ dân phố Bình Khang, Phường Yên Thắng, tỉnh Ninh Bình với tổng diện tích 30.377m<sup>2</sup>.

Những năm đầu mới thành lập, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của nhà trường còn nhiều thiếu thốn, vượt lên tất cả mọi khó khăn, Chi bộ Đảng cùng với tập thể lãnh đạo và giáo viên nhà trường đã kiên trì vững bước để tổ chức tốt dạy và học. Với sự nỗ lực của thầy và trò, các năm học tiếp theo nhà trường đạt được thành tích năm sau cao hơn năm trước, thành tích này đặt nền móng cho sự phát triển nhà trường trong những năm tiếp theo.

Trải qua 62 năm xây dựng và phát triển, cơ sở vật chất nhà trường tương đối khang trang, đáp ứng được yêu cầu cơ bản của đổi mới giáo dục. Được sự chỉ đạo của Sở GDĐT, chính quyền các cấp, cùng với sự cố gắng phấn đấu của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, trường THPT Yên Mô A trong những năm qua, đã từng bước khẳng định được uy tín, chất lượng của mình so với các trường trong toàn tỉnh. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên khá đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ. Hằng năm có giáo viên tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh đạt thành tích cao. Đặc biệt, trong những năm gần đây chất lượng giáo dục toàn diện của trường ngày càng được nâng cao. Tỷ lệ học sinh khá, giỏi tăng, năm sau cao hơn năm trước, tốt nghiệp THPT luôn đạt 100%. Trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh đều có học sinh đoạt giải cao. Với sự cố gắng, nỗ lực và quyết tâm của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường, trường THPT Yên Mô A liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và được Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh Ninh Bình tặng Bằng khen.

Năm học 2025 - 2026, trường có 76 cán bộ, giáo viên, nhân viên và lao động hợp đồng, 100% cán bộ, giáo viên đạt chuẩn, trong đó 22 cán bộ, giáo viên có trình độ trên chuẩn, 07 cán bộ giáo viên là giáo viên THPT hạng II. Tổng số học sinh là 1260, được chia thành 30 lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Trong những năm qua thực hiện cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, thực hiện Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị về “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, thực hiện chủ đề năm học “Đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục, đoàn kết, kỷ cương”, trường THPT Yên Mô A đã quan tâm đến công tác nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, tích cực tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đổi mới phương pháp quản lý và dạy học, đổi mới việc kiểm tra, đánh giá học sinh. Về cơ sở vật chất, trong những năm qua được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, ngành đặc biệt là của Sở GDĐT, UBND tỉnh, Ban đại diện cha mẹ học sinh, nhà trường đã đầu tư sửa chữa nhiều hạng mục công trình, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho dạy và học, nhìn chung cơ sở vật chất của nhà trường hiện nay tương đối khang trang đáp ứng cơ bản nhu cầu đổi mới giáo dục.

Đa số học sinh là con em nông dân, sống ở nông thôn, điều kiện học tập còn khó khăn.

có học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, học sinh khuyết tật, học sinh là con bệnh binh. Cơ sở vật chất, phòng học diện tích còn nhỏ, chưa thực sự phù hợp với học sinh THPT.

## **6. Thông tin người đại diện pháp luật; người đại diện:**

Người đại diện pháp luật: Ông Lê Thái Hòa – Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ làm việc: Tổ dân phố Bình Khang, Phường Yên Thắng, tỉnh Ninh Bình.

Email: yma.ninhbinh@gmail.com

## **7. Tổ chức bộ máy:**

### **7.1. Quyết định thành lập trường:**

Quyết định số 755/QĐ UB ngày 31/3/2004 của UBND tỉnh Ninh Bình.

### **7.2. Quyết định công nhận Hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và các thành viên Hội đồng trường**

### **7.3. Quyết định công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:**

Quyết định số 716/QĐ-SGDĐT ngày 04/10/2024 của Sở GDĐT về việc bổ nhiệm, điều động ông Lê Thái Hòa giữ chức vụ Hiệu Trưởng trường THPT Yên Mô A.

Quyết định số 358/QĐ-SGDĐT ngày 16/05/2025 của Sở GDĐT về việc bổ nhiệm lại ông Đặng Thanh giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THPT Yên Mô A.

Quyết định số 389/QĐ-SGDĐT ngày 06/06/2023 về việc bổ nhiệm lại ông Hà Ngọc Dương giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THPT Yên Mô A.

### **7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy.**

#### **a) Quy chế tổ chức và hoạt động**

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng;

Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn: phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên, đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của nhà nước.

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh.

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hóa giáo dục của nhà trường; chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành: công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

#### **b) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường.**

Trường THPT Yên Mô A là loại hình trường công lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập và nhà nước trực tiếp quản lý. Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật

chất và kinh phí chi cho thường xuyên, chủ yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Trường THPT Yên Mô A là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân và có con dấu riêng.

Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định Luật Giáo dục, Điều lệ trường THPT, nhà trường có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác của Chương trình giáo dục phổ thông.

- Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên; tham gia tuyển dụng và điều động giáo viên, cán bộ, nhân viên.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, vận động học sinh đến trường, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong các hoạt động giáo dục.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của nhà nước.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia hoạt động xã hội.

- Tự đánh giá chất lượng giáo dục và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

### c) Sơ đồ tổ chức bộ máy:

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ trường)

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam: 01 chi bộ gồm 51 đảng viên.

+ Đoàn thanh niên có 01 bí thư và 02 phó bí thư

- Thông tin, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Lê Thái Hòa	Hiệu trưởng	0913.521.255	lethaihoa1973@gmail.com
2	Hà Ngọc Dương	Phó hiệu trưởng	0948.515.230	phaled2009@gmail.com
3	Đặng Thanh	Phó hiệu trưởng	0987.597.064	dangthanhyma@gmail.com

- Địa chỉ: Tổ dân phố Bình Khang, Phường Yên Thắng, tỉnh Ninh Bình.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Ban giám hiệu có năng lực quản lý, có tầm nhìn chiến lược, lập trường tư tưởng vững vàng. Hiệu quả công tác quản lý nhà trường đạt kết quả cao.

Đội ngũ giáo viên đã được trẻ hóa, đảm bảo về trình độ chuyên môn để cơ cấu giảng dạy các môn học. Phần lớn giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiều giáo viên nhiệt tình, tâm huyết, say chuyên môn. Tập thể cán bộ giáo viên có tinh thần đoàn kết, có ý thức phấn đấu vươn lên trong giảng dạy, có tinh thần cầu tiến.

Đội ngũ nhân viên thạo việc, tự giác thực hiện nhiệm vụ được giao.

Nhà trường luôn quan tâm hàng đầu công tác xây dựng chất lượng đội ngũ; coi việc nâng cao chất lượng đội ngũ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường theo kịp xu hướng.

- Đội ngũ CBQL, giáo viên đầu năm học 2026-2027:

Môn	Tổng số	Nữ	Trình độ chuyên môn					Ghi chú
			Th.S	ĐH	CD	TC	Khác	
Ban giám hiệu	3	0	3	0				
Toán	9	6	5	6				
Tin học	4	3	1	3				
Vật lý	7	4	4	3				
Hóa học	6	4	1	5				
Sinh học	4	4	2	3				
Công nghệ	4	3		4				
Ngữ văn	9	8	3	6				
Lịch sử	4	3		4				
Địa lý	3	2		3				
Giáo dục KT&PL	3	2	1	2				
Tiếng Anh	7	7	2	5				
GDTC	5	2		5				
QPAN	2	1		2				
<b>Tổng</b>	<b>70</b>	<b>49</b>	<b>22</b>	<b>48</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

- Đội ngũ nhân viên và người lao động

TT	Chuyên môn	Số lượng		Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ			Th.S	ĐH	CD	Khác
1	Kế toán	1	1	1			1		
2	Văn thư	0							
3	Thiết bị	1		1			1		
4	Thư viện	1	1	1			1		
5	Y tế	1	1		1				1
6	Bảo vệ	2			2				2
7	Phục vụ	0							
<b>Tổng</b>		<b>6</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>		<b>3</b>		<b>3</b>

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Trường THPT Yên Mô A tự hào có cơ sở vật chất khá khang trang, đáp ứng tiêu chuẩn của một trường THPT đạt chuẩn quốc gia. Đây chính là nền tảng vững chắc để nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học. Với tổng diện tích mặt bằng lên tới 30.377m<sup>2</sup>, nhà trường có một không gian học tập, giáo dục khá rộng

rãi và thoáng đãng. Diện tích bình quân tối thiểu cho mỗi học sinh đạt 24,051 m<sup>2</sup> – vượt yêu cầu tối thiểu, đảm bảo mỗi học sinh đều có không gian khá rộng để học tập và rèn luyện. Khuôn viên trường được bố trí khá rõ ràng với hệ thống tường rào, cổng trường và biển tên kiên cố, bề thế. Đặc biệt, "lá phổi xanh" với nhiều cây xanh, cây bóng mát không chỉ đẹp mà còn mang lại môi trường trong lành, gần gũi với thiên nhiên cho các hoạt động ngoại khóa.

Nhà trường đã khá đầy đủ các trang thiết bị giáo dục, đang chuyển mình trong công cuộc chuyển đổi số: Phòng học bộ môn được trang bị tương đối đầy đủ các thiết bị thí nghiệm, thực hành và phương tiện nghe nhìn hiện đại, giúp các tiết học trở nên sinh động và trực quan. Thư viện được đầu tư bài bản, là kho tàng tri thức phục vụ đắc lực cho nhu cầu nghiên cứu của giáo viên và tự học của học sinh.

Không chỉ chú trọng vào các con chữ, trường THPT Yên Mô A còn đặc biệt quan tâm đến sức khỏe thể chất và tinh thần của học sinh với Hệ thống sân chơi, bãi tập rộng rãi là nơi diễn ra các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa nghệ thuật sôi nổi. Môi trường an toàn, xanh - sạch - đẹp. Với sự đầu tư đồng bộ và tầm nhìn phát triển bền vững, cơ sở vật chất của trường THPT Yên Mô A không chỉ là niềm tự hào của các thế hệ thầy cô, học sinh mà còn là minh chứng cho cam kết về một môi trường giáo dục hiện đại, chấp cánh cho những ước mơ bay cao.

STT	Tên	Đối tượng sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Đối chiếu CSVC hiện có so với yêu cầu	
		HS	GV			Chưa đáp ứng	Đáp ứng
<b>I</b>	<b>Địa điểm, quy mô, diện tích</b>						
1.1	Địa điểm	x	x				x
1.2	Quy mô lớp	x	x	lớp	30		x
1.3	Diện tích đất xây trường	x	x	m <sup>2</sup>	30.377		x
<b>II</b>	<b>Phòng học, phòng chức năng</b>						
2.1	<i>Khối phòng học tập</i>	x	x	phòng			
	- Phòng học	x	x	phòng	30		x
	- Phòng học bộ môn Âm nhạc	x	x	phòng	0	x	
	- Phòng học bộ môn Mỹ thuật	x	x	phòng	0	x	
	- Phòng học bộ môn KTCN	x	x	phòng	1		x
	- Phòng học bộ môn Tin học	x	x	phòng	2		x
	- Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	x	x	phòng	2		x
	- Phòng học bộ môn Vật lý	x	x	phòng	1		x
	- Phòng học bộ môn Hóa học	x	x	phòng	1		x
	- Phòng học bộ môn Sinh học	x	x	phòng	1		x
	- Phòng học bộ môn KHXH	x	x	phòng	0	x	

	- Phòng học đa chức năng	x	x	phòng	0	x	
2.2	<b>Khối phòng hỗ trợ học tập</b>						
	- Thư viện	x	x	phòng	1		x
	- Phòng thiết bị giáo dục	x	x	phòng	0		x
	- Phòng tư vấn học đường	x	x	phòng	1		x
	- Phòng Đoàn TNCS HCM	x	x	phòng	1		x
	- Phòng truyền thống	x	x	phòng	1		x
2.3	<b>Khối phụ trợ</b>						
	- Phòng họp		x	phòng	1		x
	- Phòng các tổ CM		x	phòng	6		x
	- Phòng Y tế trường học	x	x	phòng	1		x
	- Nhà kho		x	phòng	0		x
	- Khu để xe học sinh	x		phòng	2		x
	- Khu vệ sinh học sinh	x		phòng	20		x
	- Khu vệ sinh giáo viên		x	phòng	4		x
- Phòng chờ GV		x	phòng	1	x		
2.4	<b>Khu sân chơi, thể dục thể thao</b>						
	- Sân trường	x	x	sân	1		x
	- Sân TDTT	x	x	sân	1		x
	- Nhà đa năng	x	x	nhà	1		x
2.5	<b>Khối phục vụ sinh hoạt</b>	x	x		0		x
2.6	<b>Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>	x	x		1		x
2.7	<b>Nguồn điện lưới (MBT 250KVA)</b>	x	x		1		x
2.8	<b>Kết nối Internet</b>	x	x		2		x
2.9	<b>Trang thông tin điện tử</b>	x	x		1		x
2.10	<b>Hệ thống PCCC</b>	x	x		2		x
2.11	<b>Hệ thống tường rào, cổng trường</b>				1		x

#### IV. ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ TIÊU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ GDĐT. Hàng năm, đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục đánh giá để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên. Nhà trường đã khắc phục được 18/21 số kế hoạch cải tiến, đạt 85,7%. Đang thực hiện 02/21 số kế hoạch cải tiến đạt 9,5 %. Chưa thực hiện được 01/21 số kế hoạch cải tiến đạt 4,8%.

#### V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

##### 5.1. Kết quả một số kỳ thi, cuộc thi:

- Kỳ thi chọn học sinh giỏi, học viên giỏi lớp 12 cấp tỉnh năm học 2025- 2026, kết quả có 30/35 học sinh đoạt giải, trong đó có 02 giải Nhất; 06 giải Nhì; 17 giải Ba; 05 giải Khuyến khích. Toàn đoàn tuyển HSG đứng thứ 21 và nhận cờ Giải Ba khối các trường THPT không chuyên toàn tỉnh Ninh Bình. Kết quả cụ thể các môn:

Môn	Số giải	Xếp thứ hạng đồng đội	Giáo viên phụ trách
Toán	01 Nhì + 02 Ba + 02 KK	36	Nguyễn Thị Hương
Vật lý	03 Ba	48	Vũ Văn Thanh
Hóa học	01 Ba + 01 KK	64	Phạm Thành Nguyên
Ngữ văn	02 Nhất + 01 Nhì	02	Phạm Thị Hồng Xiêm
Lịch sử	03 Ba	47	Nguyễn Văn Chiến
Địa lý	02 Nhì + 01 Ba	10	Hoàng Thị Loan
T.Anh	01 Nhì + 01 Ba + 01 KK	30	Đoàn Thị Hằng
Sinh học	02 Ba + 01 KK	34	Vũ Thị Tinh
Tin học	02 Ba	41	Dương Thị Liễu
GD KTPL	01 Nhì + 02 Ba	16	Phạm Kiều Hoa

- Trong các cuộc thi Tài năng Tiếng Anh, nhà trường xếp thứ 23/89 các trường THPT của tỉnh Ninh Bình và đoạt cờ Giải Ba. Cụ thể:

+ Thi “Chinh phục IELTS” lớp 11 đoạt 01 giải Nhì và 01 giải Ba (cô Đặng Thị Thùy phụ trách)

+ Thi IOE đoạt 01 giải Nhì, 02 giải Ba, 02 giải KK cấp Tỉnh (cô Đinh Thị Khánh Hòa phụ trách)

+ Thi Tài năng Tiếng Anh qua giải Toán và các môn KHTN đoạt 04 giải KK cấp tỉnh (thầy Nguyễn Xuân Trường phụ trách)

### **5.2. Cuộc thi KHKT và STEM, Sáng tạo trẻ thanh thiếu niên cấp tỉnh**

- Có 02 sản phẩm tham gia dự thi Cuộc thi Khoa học kỹ thuật và Ngày hội STEM dành cho học sinh trung học cấp tỉnh năm học 2025- 2026, có 01 sản phẩm đạt giải Ba (do cô Phạm Kiều Hoa và cô Đặng Thị Thùy hướng dẫn).

- Thi sáng tạo Thanh thiếu niên, nhi đồng có 02 sản phẩm dự thi cấp tỉnh, 2/2 sản phẩm đoạt giải, gồm 01 giải Nhất lớp 10A (cô Tạ Thị Toàn hướng dẫn) và 01 giải Ba lớp 11C (cô Bùi Thị Loan phụ trách).

### **5.3. Hội thi TDTT và Hội thao QPAN:**

- Hội thi TDTT cấp tỉnh: 01 giải Ba bộ môn Bóng bàn (cô Dương Thị Thu Hiền phụ trách); 04 giải KK môn Điền kinh (do thầy Trịnh Văn Thắng phụ trách); 01 giải KK cờ vua Nữ (thầy Đỗ Hữu Doanh phụ trách). Toàn đoàn đứng thứ 32/54 của Khối các trường THPT cụm số 1, đoạt cờ Giải Ba của Hội thi.

- Hội thao QPAN cấp tỉnh: Nhà trường đoạt cờ Nhất toàn đoàn Khối các trường THPT Cụm số 1. Có 5/6 học sinh đoạt giải cấp Tỉnh. Có 03/18 học sinh tham dự Hội thao QPAN toàn quốc đóng góp vào kết quả toàn đoàn của Ninh Bình đoạt cờ Nhì toàn quốc.

#### 5.4. Hội thi khác

- Đại sứ văn hóa đọc: 02 giải Ba (Cô Lê Thị Hương phụ trách) và 01 giải khuyến khích (Cô Nguyễn Thị Bích Ngọc phụ trách).

- Hội thi GVCN giỏi cấp Tỉnh, cô Dương Thị Liễu tham gia dự thi và được công nhận Danh hiệu GVCN giỏi cấp tỉnh.

#### 5.5. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Khối 10: 484 học sinh (11 lớp)

Thí sinh đăng ký dự tuyển vào trường THPT Yên Mô A đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Tốt nghiệp THCS tại tỉnh Ninh Bình.

- Học sinh hoặc cha, mẹ hoặc người giám hộ của học sinh có nơi thường trú tại tỉnh Ninh Bình.

- Những trường hợp khác, Giám đốc Sở GDĐT xem xét quyết định.

Sau khi có kết quả trúng tuyển, nhà trường sẽ tổ chức cho học sinh đăng ký và xét tuyển vào lớp theo từng tổ hợp môn và chuyên đề học tập lựa chọn. Dự kiến như sau:

STT	Tổ hợp 4 môn lựa chọn	Chuyên đề học tập	Số HS	Dự kiến số lớp
1	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Vật lý, Hóa/Sinh	132	3
2	Vật lý, Hóa học, CNCN, Tin học	Toán, Vật lý, Tin học	88	2
3	Địa lý, Hóa học, CNNN, Tin học	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	88	2
4	Vật lý, CNNN, Tin học, KT&PL	Toán, Ngữ văn, KT&PL	88	2
5	Địa lý, KT&PL, Sinh học, CNNN	Toán, Ngữ văn, Địa lý	88	2
<b>Tổng số</b>			<b>484</b>	<b>11</b>

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

### 1. Công khai thu chi tài chính năm 2025.

#### a) Nguồn ngân sách

DVT: Đồng

Nội dung/Nguồn chi	Chi thường xuyên	Chi không thường xuyên
Dự toán năm trước chuyển sang	0	0
Dự toán giao	17.982.000.000	4.207.299.200
Tiền lương	8.230.521.000	
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	181.812.000	
Phụ cấp lương	4.005.663.000	
Phụ cấp ưu đãi GV giảng dạy lớp có HS khuyết tật		197.576.000

Phụ cấp công tác Đảng	42.120.000	
Tiền thưởng theo ND 73	834.000.000	
Các khoản đóng góp	2.216.952.000	
Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	16.000.000	
Thanh toán dịch vụ công cộng	158.112.700	
Vật tư văn phòng, văn phòng phẩm	169.814.600	105.279.200
Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	57.494.700	
Hội nghị	7.289.000	
Công tác phí	55.956.000	
Chi phí thuê mướn	145.273.300	994.000
Chi sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và công trình hạ tầng cơ sở khác	124.787.000	1.651.248.000
Chi mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	110.550.000	836.200.000
Duy trì phần mềm QLTS		3.000.000
Chi phí nghiệp vụ CM	540.016.600	240.864.000
Mua sắm tài sản vô hình	22.706.000	
Chi khác	90.231.000	6.480.000
Chi các ngày lễ lớn trong năm		
Tiết kiệm chi lập Quỹ bổ sung thu nhập. Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	100.000.000	
Tiết kiệm chi trích lập quỹ phúc lợi	566.900.000	
Tiết kiệm chi trích lập quỹ khen thưởng	147.500.000	
Tiết kiệm chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	158.301.100	
Chi trả chế độ cho học sinh khuyết tật theo thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC		7.488.000
Hỗ trợ CP học tập		21.150.000
Các khoản hỗ trợ khác		9.360.000
Tiền thưởng		
Cấp bù miễn giảm HP		865.698.000
Tiền chế độ tinh giản bên chế theo Nghị định 154/2025/ND-CP		261.962.000
<b>Dự toán còn lại</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Chuyển sang năm 2026</b>	<b>0</b>	<b>4.043.000</b>

**b) Nguồn học phí**

ĐVT: Đồng

Nội dung/ nguồn chi	Tổng số
Số thu năm trước chuyển sang	178.536.500
Số thu trong năm	975.515.500
Số được sử dụng trong năm	1.154.052.000
Số chi trong năm	970.426.100
Số dư cuối năm	183.625.900

**c) Nguồn thu dịch vụ, thu khác:**

ĐVT: Đồng

Nguồn thu	Số dư năm trước chuyển sang	Số thu trong năm	Số chi trong năm	Số dư cuối năm
Học bổng, tăng cường kiến thức các môn học	299.323.300	628.054.500	913.571.080	13.806.720
DV tuyển sinh lớp 10	0	99.640.000	99.640.000	0
Vệ sinh trường, khu vệ sinh	9.751.000	103.050.000	103.027.370	9.773.630
Trông giữ xe	66.335.700	33.864.000	70.351.600	29.848.100
Học phẩm phục vụ các kỳ thi, kiểm tra	39.271.000	0	38.848.300	422.700
Thu từ bán VL do thanh lý TDCĐ, CCDC	0	13.877.000	4.800.000	9.077.000
Tiền bồi dưỡng TN	0	2.095.000	2.095.000	0
Tiền điện các lớp sử dụng điều hòa	311.000	34.750.000	35.061.000	0

**2. Công khai các khoản thu, mức thu năm học 2025-2026 và dự kiến của năm học 2026-2027**

Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Mức thu	Số tháng thực thu
<b>I</b>	<b>Năm học 2025-2026</b>		
1	Học phí (miễn học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực		

	giáo dục, đào tạo)		
2	Thu bảo hiểm y tế học sinh		
	Khối 10 + 11	52.650đ/hs/tháng	12
	Khối 12	52.650đ/hs/tháng	9
3	Quỹ Đoàn	2 000/hs/ tháng	9
<p><b>Các khoản thu dịch vụ:</b></p> <p>Thực hiện theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình từ năm học 2024-2025; Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc Ban hành Quy định về giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Quyết định số 16/QĐ-CNVB ngày 31/03/2021 của Trung tâm công nhận văn bằng Quyết định quy định mức giá dịch vụ cung cấp phôi bằng, chứng chỉ không sử dụng ngân sách nhà nước trong hệ thống giáo dục quốc dân; Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục tỉnh Ninh Bình.</p>			
4	Tiền trông giữ xe		
	Đối với xe đạp, xe đạp điện	8.000đ/tháng	9
	Đối với xe máy, xe máy điện	15.000đ/tháng	9
5	Vệ sinh trường khu vệ sinh	9.000đ/hs/ tháng	9
6	Mua phôi bằng TN lớp 12	5.000đ/hs	
7	Tiền điện các lớp sử dụng điều hòa (thu theo thực tế chốt công tơ của lớp theo tháng, đảm bảo mức thu không vượt quá 30.000đ/HS/tháng)		Thu theo số tháng thực tế sử dụng điều hòa của học sinh
<b>II</b>	<b>Dự kiến năm học 2026-2027</b>		
1	Học phí (Miễn học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo)		
2	Thu bảo hiểm y tế học sinh		
	Khối 10 + 11	52.650đ/hs/tháng	12
	Khối 12	52.650đ/hs/tháng	9
3	Quỹ Đoàn	2 000/hs/ tháng	9

<b>Các khoản thu dịch vụ:</b>			
Thực hiện theo Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục tỉnh Ninh Bình; Quyết định số 16/QĐ-CNVB ngày 31/03/2021 của Trung tâm công nhận văn bằng Quyết định quy định mức giá dịch vụ cung cấp phôi bằng, chứng chỉ không sử dụng ngân sách nhà nước trong hệ thống giáo dục quốc dân:			
4	Tiền trông giữ xe		
	Đối với xe đạp, xe đạp điện	8.000đ/tháng	9
	Đối với xe máy, xe máy điện	15.000đ/tháng	9
5	Vệ sinh trường khu vệ sinh	9.000đ/hs/ tháng	9
6	Mua phôi bằng TN lớp 12	5.000đ/hs	
7	Tiền điện các lớp sử dụng điều hòa (thu theo thực tế chốt công tơ của lớp theo tháng, đảm bảo mức thu không vượt quá 30.000đ/HS/tháng)		Thu theo số tháng thực tế sử dụng điều hòa của học sinh

**3. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về hỗ trợ và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm 2025:**

*ĐVT: Đồng*

Nội dung	Số học sinh	Số tiền
Miễn giảm học phí theo ND số 81/2021/NĐCP ngày 27/8/2021 học kỳ II năm học 2024-2025	28	9.138.000
Miễn giảm học phí theo ND số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 học kỳ I năm học 2025-2026	1266	856.560.000
Hỗ trợ CP học tập theo ND số 81/2021/NĐCP ngày 27/8/2021 kỳ II năm học 2024-2025	12	9.750.000
Hỗ trợ CP học tập theo ND số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 học kỳ I năm học 2025-2026	19	11.400.000
Chi trả chế độ cho học sinh khuyết tật theo thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC học kỳ II năm học 2024-2025	1	9.360.000
Chi trả chế độ cho học sinh khuyết tật theo thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC học kỳ I năm học 2025-2026	1	7.488.000

**4. Công khai số dư tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc, ngân hàng đến ngày 31/12/2025**

TT	Nội dung	ĐVT	Số tiền
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0
2	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	

	TK 3713.0.1072102.00000	Đồng	249.681.000
	TK 3713.0.1072102.94001	Đồng	59.077.000
	TK 3713.0.1072102.94005	Đồng	50.680.000
	TK 3713.0.1072102.94006	Đồng	249.681.000
	TK 3716.2.1072102.00000	Đồng	609.750.114
3	Số dư tiền gửi NH Vietinbank	Đồng	55.889.281

**Nơi nhận:**

- Sở GDĐT Ninh Bình (để báo cáo);
- Website trường;
- Lưu: VT, KT.

**HIỆU TRƯỞNG****Lê Thái Hòa**